TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - TUYÊN** QUANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh Phúc**

Bản án số: **103**/2025/HS-ST
Ngày 30/12/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Lê Tuấn Linh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Minh Hùng

2. Ông Phạm Văn Vượng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang tham gia phiên toà: ông Nguyễn Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25, 26, 29 và 30 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/HSST-QĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh ngày 26 tháng 12 năm 1970 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Nơi cư trú: Thôn A, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn U, sinh năm 1945 (đã chết) và bà Trần Thị N, sinh năm 1945; anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là thứ hai; vợ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980; con: có 03 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 19/2010/HSST ngày 06/4/2010 của Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù, về tội Chống người thi hành công vụ, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Bản án hình sự phúc thẩm số 34/2010/HSPT ngày 15/6/2010 của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang tuyên xử 03 tháng tù (Ghi nhận đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm). Ngày 23/9/2010, chấp hành xong toàn bộ Bản án. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

2. Lê Văn T1, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1964 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Nơi cư trú: Thôn A, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C, sinh năm 1930 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1938 (đã chết); anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là thứ nhất;

vợ: Hoàng Thị Q, sinh năm 1967; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

3. Ngô Đình Á, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1997 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn N1, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1974; anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là thứ hai; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

4. Nguyễn Văn T2, sinh ngày 11 tháng 12 năm 1987 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1 (đã chết) và bà Vũ Thị D, sinh năm 1961; anh chị em ruột: có 05 người, bị cáo là thứ tư; vợ: Bùi Thị L, sinh năm 1991; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

5. **Nguyễn Văn N2**, sinh ngày 26 tháng 9 năm 1994 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1971; anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là thứ nhất; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

6. **Phạm Văn H**, sinh ngày 06 tháng 6 năm 1993 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Lương T3, sinh năm 1967 và bà Dương Thị H1, sinh năm 1968; anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là thứ nhất; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt);

7. Vũ Văn H2, sinh ngày 09 tháng 01 năm 1988 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T4, sinh năm 1966 (đã chết) và bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1964; anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là thứ hai; vợ: Nịnh Thị Đ3, sinh năm 1989, con: có 03 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 08/11/2004 của Công an huyện S, xử phạt 200.000 đồng về hành vi đánh nhau. Ngày 08/11/2004, đã chấp hành xong. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt);

8. **Trần Văn K**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1963 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 06/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Công C2 (đã chết) và bà Vũ Thị N4 (đã chết); anh chị em ruột: có 05 người, bị cáo là thứ năm; vợ: Phạm Thị L1, sinh năm 1963; con: có 03 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt);

9. **Trần Văn K1**, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2000 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Cao lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Thành L2, sinh năm 1978 và bà Trần Thị X, sinh năm 1981; anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là thứ nhất; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

10. **Trần Quốc H3**, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2002 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H4, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Quỳnh N5, sinh năm 1983; anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là thứ nhất; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5245/QĐ-XPVPHC ngày 12/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện S, xử phạt 8.750.000 đồng. Trong đó: 1.250.000 đồng về hành vi xâm hại sức khoẻ người khác, 7.500.000 đồng về hành vi sản xuất vũ khí thô sơ (Súng hơi cồn tự chế). Ngày 29/9/2020, đã chấp hành xong. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt);

11. **Dương Anh V**, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2009 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; (*Thời điểm phạm tội V 16 tuổi 01 tháng 26 ngày*); Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn P, sinh năm 1973 và bà Trần Thị N6, sinh năm 1975; anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là thứ ba; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt);

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: bà Trần Thị N6, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt);

12. Phạm Ngọc T5, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2006 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân C3, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1982; anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là thứ nhất; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt);

13. Phạm Quang K2, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1984 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quang K3, sinh năm 1954 và bà Trần Thị C4, sinh năm 1956; anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là thứ ba; vợ: Bùi Thị Hồng M, sinh năm 1987, con: có 03 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 84/HSST ngày 23/12/2004 của Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm về tội Cố ý gây thương tích. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Tuyên Quang: Không có hồ sơ về việc Phạm Quang K2 phải thi hành án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt);

14. Nguyễn Văn C5, sinh ngày 23 tháng 12 năm 1979 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L3, sinh năm 1948 (đã chết) và bà Trương Thị L4, sinh năm 1949 (đã chết); anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là thứ tư; vợ: Nguyễn Thị T6, sinh năm 1984, con: có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt);

15. Phạm Văn T7, sinh ngày 22 tháng 7 năm 1986 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H6 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T8, sinh năm 1952; anh chị em ruột: có 06 người, bị cáo là thứ sáu; vợ: Nguyễn Thị N7, sinh năm 1988, con: có 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt);

16. Ngô Đức T9, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2008 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; (*Thời điểm phạm tội T9 16 tuổi 10 tháng 14 ngày*); Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: học sinh; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Minh T10, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị H7, sinh năm 1980; anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là thứ ba; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt);

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: ông Ngô Minh T10, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt);

17. Phạm Khánh H8, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2007 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; (*Thời điểm phạm tội H8 17 tuổi 11 tháng 14 ngày*); Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C6, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Đ4, sinh năm 1978; anh

chị em ruột: có 03 người, bị cáo là thứ ba; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt);

18. **Trương Thanh M1**, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1989 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn S, sinh năm 1954 và bà Trần Thị H9, sinh năm 1956; anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là thứ ba; vợ: Lưu Thị D2, sinh năm 1989; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt);

19. Dương Tiến M2, sinh ngày 21 tháng 08 năm 2005 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Anh H10, sinh năm 1983 và bà Lê Thị Út N8, sinh năm 1987; anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là thứ nhất; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt);

20. **Vũ Đình K4**, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2001 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Ngọc T11, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1982; anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là thứ nhất; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt);

21. **Trần Văn Q2**, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1982 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T12, sinh năm 1956; anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là thứ nhất; vợ: Bùi Thị B, sinh năm 1980; con: có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt);

**** Người bào chữa cho các bị cáo Dương Anh V, Ngô Đức T9:*** Bà Hoàng Thị Kim H11, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T16 tỉnh Tuyên Quang (Có mặt, vắng mặt khi tuyên án);

**** Đại diện trường trung học phổ thông K11 nơi bị cáo Ngô Đức T9 học tập:*** Bà Bùi Thị Bích H12, Giáo viên chủ nhiệm (Có mặt, vắng mặt khi tuyên án);

**** Nguyên đơn dân sự:*** Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tuyên Quang; Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Anh C7 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Ông Nguyễn Viết K5, sinh năm 1956; Nơi cư trú: Thôn A, xã P, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Phan Anh D3, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn A, xã P, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt, vắng mặt khi tuyên án).

3. Bà Trần Thị Quỳnh A, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Thôn A, xã P, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Văn A1, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn A, xã P, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Văn Đ5, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn V, xã P, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Tuấn A2, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Anh Mai Văn H13, sinh năm 2004; Nơi cư trú: Thôn A, xã P, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

8. Ông Nguyễn Tuấn H14, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Thôn A, xã P, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Người làm chứng:***

1. Ông Trần Văn K6, sinh năm 1985; Thôn P, xã T, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt).

2. Ông Trần Thanh C8, sinh năm 1985; Thôn A, xã P, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt).

3. Ông Vũ Văn H15, sinh năm 1985; Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

4. Ông Trần Văn T13, sinh năm 1974; Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

5. Ông Đỗ Văn H16, sinh năm 1988; Thôn N, xã P, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 35 phút ngày 16/3/2025, tại sân bóng đá thuộc thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn T, xã P, tỉnh Tuyên Quang). Ban Tổ chức Đại hội thể dục thể thao xã T do UBND xã tổ chức trận chung kết môn bóng đá nam giữa đội thôn A (mặc áo trắng, quần xanh) và đội thôn N (mặc áo đỏ, quần trắng). Tổ trọng tài điều hành trận đấu gồm 03 người do Trần Anh K7 làm trọng tài chính. Tổ giám sát trọng tài có 02 người. Tổ đảm bảo an ninh trật tự gồm 13 đồng chí Công an viên và 02 đồng chí Dân quân. Có đông đảo người dân thôn A, thôn N và các thôn khác đến xem, cổ vũ thi đấu. Thời gian thi đấu chính thức là 70 phút chia làm 02 hiệp, mỗi hiệp 35 phút, mỗi đội có 08 cầu thủ thi đấu trong sân. Theo hướng từ Ban tổ chức nhìn xuống, đội thôn N giữ cầu môn bên phải,

đội thôn A cầu môn bên trái. Quanh khu vực sân thi đấu Ban Tổ chức có căng dây xung quanh để đảm bảo an ninh trật tự cho việc thi đấu.

Khi trận đấu diễn ra khoảng 20 phút, tỷ số trận đấu là Nho Quan 0 - An Lạc 1; đội Nho Quan được hưởng quả đá biên, cầu thủ Trần Thanh C8, cư trú tại thôn A (Đội trưởng A) đứng gần cầu môn đội An Lạc để phòng thủ thì xảy ra cãi chửi nhau với cầu thủ Vũ Văn H15 (theo thứ tự đánh số để giám định video clip là người số 02), cư trú tại thôn N (Đội trưởng N) nên trọng tài K7 rút thẻ vàng cảnh cáo H15 và C8. Cảnh không đồng ý với việc bị phạt thẻ vàng nên trình bày với trọng tài K7. Lúc này ở khu vực cầu môn đội A, **Phạm Văn T** (Người số 01) đội mũ cối màu xanh và **Lê Văn T1** (Người số 03) cùng cư trú tại thôn A (Cổ động viên đội A) đi từ ngoài vào trong sân cãi nhau với H15. H15 dùng tay đẩy vào ngực T và nói ông không phận sự ông đi ra ngoài, rồi đẩy T ra ngoài sân. Lúc này T1 cũng đi vào trong sân thì bị H15 tiếp tục ngăn lại đẩy ra ngoài sân. Ngay khi đó, một số cổ động viên của hai đội chạy vào trong sân, xô xát đánh nhau hỗn loạn dẫn đến trận đấu phải dừng lại.

Nhóm cổ động viên thôn N đuổi đánh nhóm cổ động viên thôn A ở phía sau cầu M, như sau:

- Mai Văn H13, cư trú tại thôn A bị một số người lao vào đánh, vụt trúng vào vùng đầu, mặt, mắt trái và lưng. Trong đó, có **Vũ Đình K4**, cư trú tại thôn N dùng tay phải đấm 01 nhát vào vùng ngực H13, không gây thương tích.

- **Vũ Văn H2** (Người số 10), cư trú tại thôn N nhặt được 01 chiếc mũ cối màu xanh, cầm mũ bằng tay phải vụt 01 nhát trúng vào vai một người nam thanh niên (Không xác định được tên tuổi, địa chỉ).

- Nguyễn Văn A1, cư trú tại thôn A chạy đến để can ngăn thì bị một số người (Không xác định tên tuổi, địa chỉ) dùng tay chân đấm vào người. Nguyễn Văn Đ5, cư trú tại thôn V vào can ngăn bị 02 nam thanh niên (Không xác định tên tuổi, địa chỉ) dùng tay đấm vào vùng góc mắt bên phải và vùng gáy sau mang tai phải, không gây thương tích. Khi đó, Trần Văn T13, cư trú tại thôn N vào can ngăn nói với Đ5 không phải việc của ông, ông đi ra ngoài. Nguyễn Tuấn A2, cư trú tại thôn N bị một số người (Không xác định được tên tuổi, địa chỉ) đấm vào vai phải, không gây thương tích.

- Nguyễn Tuấn H14 (Người số 04), cư trú tại thôn A trên tay cầm áo khoác bị nhóm cổ động viên cùng cư trú thôn N đuổi đánh. Trong đó: **Ngô Đình Á**, (Người số 06) dùng tay đấm 01 nhát nhưng không trúng; **Nguyễn Văn T2** (Người số 07) dùng chân phải đá 01 nhát trúng vào cổ chân phải; **Nguyễn Văn N2** (Người số 08) nhảy lên dùng chân phải đạp 01 nhát vào mạn sườn, hông bên trái; **Phạm Văn H** (Người số 09) dùng chân phải đá một nhát trúng vào mặt sau chân trái làm H14 bị ngã xuống sân bóng, không gây thương tích; **Trần Văn Q2** dùng chân đạp 01 nhát nhưng không trúng, thì lực lượng an ninh trật tự và người dân vào can ngăn.

Cùng thời điểm đó ở khu góc sân bê tông bên phía Ban Tổ chức (gần nhà điều hành) do thấy 02 nhóm cổ động viên xô xát, đánh nhau ở khu vực cầu M nên ông Nguyễn Viết K5, cư trú tại thôn A, đầu đội mũ bảo hiểm (Loại mũ lưỡi chai

thời trang) chạy đến để can ngăn. Ông K5 nhặt được 01 chiếc mũ cối bị rơi ở phía sau cầu môn đội An L5 (Không xác định được mũ của ai) cầm lên đi về khu vực đường biên dọc phía trước bàn của B1 Tổ chức (gần nhà quản lý sân) đưa cho Phan Anh D3, cư trú thôn A và bảo D3 xem của ai thì trả lại. Do không biết chiếc mũ của ai nên D3 không cầm. Ngay khi đó, nhóm cổ động viên thôn N lao vào đánh K5, D3 và Trần Thị Quỳnh A (vợ D3) cụ thể:

- Nhóm cổ động viên (Không xác định tên tuổi, địa chỉ) lao vào giật mũ cối trên tay K5 và dùng tay đấm vào người, mặt, cầm mũ cối đập vào mũ bảo hiểm trên đầu K5 làm ông K5 ngã xuống.

- Do thấy ông K5 bị đánh nên D3 dùng tay đỡ, can ngăn, thì D3 bị nhóm cổ động viên cùng cư trú thôn N đánh, cụ thể: **Trần Văn K** (Người số 12) dùng tay đấm nhiều nhát vào người; **Trần Văn K1** (Người số 13) dùng tay trái đấm 02 nhát vào vùng đầu, mặt; **Trần Quốc H3** (Người số 14) nghe có người hô thằng này đánh thằng T13 (T13 là bác ruột của H3) nên H3 dùng tay cầm mũ cối đang đội trên đầu (mũ của H3) vụt 01 nhát trúng vào vai, 01 nhát không trúng, làm móp mũ cối rơi xuống đất; **Dương Anh V**, sinh ngày 20/01/2009 (Người số 15) dùng tay trái đánh 02 nhát theo hướng từ trên xuống dưới vào đầu; **Phạm Ngọc T5** (Người số 16) dùng tay đấm nhưng không xác định được trúng vào vị trí nào, đồng thời T5 bị một người cầm mũ cối vụt vào mắt trái gây bầm tím (Không xác định được người đánh); **Phạm Quang K2** (Người số 17) dùng tay đấm vào người nhưng không xác định trúng vào vị trí nào; **Nguyễn Văn C5** (Người số 18) dùng chân đá vào người; **Phạm Văn T7** (Người số 19) cầm mũ cối của T7 vụt 01 nhát từ trên xuống dưới trúng vào vùng đầu; **Ngô Đức T9**, sinh ngày 03/5/2008 (Người số 20) nhặt 01 chiếc mũ cối màu xanh dưới đất cầm lên đập một nhát từ trên xuống dưới trúng vào vai; **Phạm Khánh H8**, sinh ngày 30/3/2007 (Người số 21) dùng tay phải đấm 02 - 03 nhát, có nhát trúng, nhát trượt; **Trương Thanh M1** (Người số 22) cầm 01 chiếc ghế inox màu trắng tại khu vực Ban Tổ chức đến chụp vào đầu D3 nhưng trượt trúng vào đầu Phạm Quang K2; **Dương Tiến M2** (Người số 23) Dùng tay phải đấm 01 nhát trúng vào vùng đầu.

- Khi thấy D3 bị đánh, thì Trần Thị Quỳnh A, cư trú tại thôn A (vợ D3) chạy vào can ngăn thì bị một số người dùng tay đánh vào người (Không xác định được người đánh).

Được lực lượng an ninh trật tự can ngăn thì mọi người không đánh nhau nữa. D3 đứng sát tường nhà điều hành thì có 01 người phụ nữ mặc áo trùm kín người (áo chống nắng) màu đen có hoa văn màu vàng, đội nón lá, đeo khẩu trang màu trắng đi tới cầm 01 chiếc ghế inox chụp vào đầu D3 (không gây thương tích) thì được mọi người nhấc chiếc ghế inox ra khỏi đầu D3.

Sau khi tạm dừng trận đấu, Ban Tổ chức Đại hội thể dục thể thao xã T nhận thấy việc xô xát đánh nhau giữa cổ động viên 02 đội đã gây mất an ninh trật tự tại địa phương, ảnh hưởng đến chương trình Đại hội. Nếu tiếp tục tổ chức trận chung kết có thể tiếp tục gây mất an ninh trật tự nên phải dừng toàn bộ trận đấu và các hoạt động liên quan đến môn bóng đá nam.

Kết luận giám định số 391/KL-KTHS ngày 10/4/2025 của Phòng K12 Công an tỉnh T, kết luận: Trong video có hình ảnh xô xát đánh nhau xảy ra ngày 16/3/2025 (thời gian theo thông tin của file video). Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong file video cần giám định. Đặc điểm, hành động của những người có liên quan được camera ghi lại trong quá trình xảy ra sự việc được mô tả chi tiết trong bản ảnh giám định kèm theo. Kèm theo kết luận giám định: 01 Bản ảnh giám định gồm 31 trang A4.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 41/2025/KLTTCT-GĐPY ngày 06/5/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh T về thương tích của Phan Anh D3: Các vết sây sát sưng nề vùng mặt, bầm tím vùng thái dương phải, trán, chẩm; bầm dập môi dưới, bầm tím vùng ngực trái, hiện đã khỏi không để lại dấu vết. Chấn động não điều trị ổn định, điện não đồ bình thường, tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 01% (Một phần trăm). Thương tích như trên là do vật tầy tác động trực tiếp gây nên.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 42/2025/KLTTCT-GĐPY ngày 06/5/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh T về thương tích của Trần Thị Quỳnh A: Tại thời điểm giám định trên cơ thể không có thương tích gì. Chấn động não điều trị ổn định, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 01% (Một phần trăm). Thương tích như trên là do vật tầy tác động trực tiếp gây nên.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 43/2025/KLTTCT-GĐPY ngày 06/5/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh T về thương tích của Nguyễn Văn A1: Các vết bầm tím mắt trái, xây xước vùng lưng đã khỏi không để lại dấu vết. Chấn động não điều trị ổn định, điện não đồ bình thường, tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 01% (Một phần trăm). Thương tích như trên là do vật tầy tác động trực tiếp gây nên.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 44/2025/KLTTCT-GĐPY ngày 06/5/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh T về thương tích của Nguyễn Viết K5: sây sát, đau nhức, bầm tím mũi, hàm mặt hai bên, khuỷu tay trái, gối trái không để lại sẹo, vận động khuỷu tay trái, gối trái được. Chấn động não điều trị ổn định, tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 01% (Một phần trăm). Thương tích như trên là do vật tầy tác động trực tiếp gây nên.

Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã tạm giữ: 01 mũ cối bị vỡ phần chóp mũ, 01 ghế inox (đã qua sử dụng, được niêm phong theo quy định).

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 05/8/2025, các bị cáo thôn N gồm: Trần Văn K, Phạm Ngọc T5, Nguyễn Văn C5, Trần Quốc H3, Trần Văn Q2, Phạm Quang K2, Phạm Văn H, Nguyễn Văn N2, Ngô Đình Á, Phạm Khánh H8, Trần Văn K1, Vũ Văn H2, Nguyễn Văn T2, Trương Thanh M1, Vũ Đình K4, Dương Anh V, Dương Tiến M2, Phạm Văn T7 đã cùng nhau thoả thuận, bồi thường cho Nguyễn Văn A1 số tiền 40.000.000 đồng, Nguyên Viết K8 số tiền 50.000.000 đồng. Ông A1 và ông K8 không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKSKV1 ngày 23/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 truy tố Phạm Văn T, Lê Văn T1, Vũ Đình K4, Vũ Văn H2, Ngô Đình Á, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn N2, Phạm Văn H, Trần Văn Q2, Trần Văn K, Trần Văn K1, Trần Quốc H3, Dương Anh V, Phạm Ngọc T5, Phạm Quang K2, Nguyễn Văn C5, Phạm Văn T7, Ngô Đức T9, Phạm Khánh H8, Trương Thanh M1, Dương Tiến M2 về tội Gây rối trật tự công cộng, quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi kết thúc phần xét hỏi công khai, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang phát biểu luận tội, giữ nguyên nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Lê Văn T1, Vũ Đình K4, Vũ Văn H2, Ngô Đình Á, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn N2, Phạm Văn H, Trần Văn Q2, Trần Văn K, Trần Văn K1, Trần Quốc H3, Dương Anh V, Phạm Ngọc T5, Phạm Quang K2, Nguyễn Văn C5, Phạm Văn T7, Ngô Đức T9, Phạm Khánh H8, Trương Thanh M1, Dương Tiến M2 về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 318 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 318; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt các bị cáo: Phạm Quang K2, Trần Quốc H3, Vũ Văn H2 từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm. Các bị cáo: Phạm Văn T7, Trương Thanh M1, Dương Tiến M2, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn N2, Phạm Văn H, Trần Văn K, Trần Văn K1, Nguyễn Văn C5, Trần Văn Q2, Vũ Đình K4, Phạm Ngọc T5, Ngô Đình Á, Phạm Văn T, Lê Văn T1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

- Áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 318; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 100 Bộ luật Hình sự; Điều 12, khoản 1, Điều 118 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 (Có hiệu lực từ ngày 01/01/2026).

Đề nghị xử phạt các bị cáo Phạm Khánh H8, Dương Anh V, Ngô Đức T9 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng Cải tạo không giam giữ.

Thời gian thử thách của án treo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, thời gian chấp hành án Cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh T nhận được Quyết định thi hành án. Giao các bị cáo chấp hành án treo, cải tạo không giam giữ cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tuyên Quang để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án Cải tạo không giam giữ và thời gian thử thách của án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị HĐXX tuyên tịch thu tiêu hủy 01 mũ cối bị vỡ phần chóp mũ, 01 ghế inox (đã qua sử dụng, được niêm phong theo quy định).

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

- Đối với thương tích của ông Nguyễn Viết K5, ông Nguyễn Văn A1, ông Phan Anh D3, bà Trần Thị Quỳnh A: Các bị cáo đã bồi thường xong, ông K5, ông A1, ông D3 và bà Quỳnh A không có đề nghị gì khác.

Đối với số tiền tạm ứng bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phan Anh D3 và bà Trần Thị Quỳnh A do Trần Văn K, Trần Quốc H3, Phạm Ngọc T5, Ngô Đức T9, Dương Tiến M2, Phạm Văn T7, Phạm Quang K2, Dương Anh V, Phạm Khánh H8, Phạm Văn H, Nguyễn Văn N2, Ngô Đình Á nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Tuyên Quang *(Không phải bồi thường về tội Gây rối trật tự công cộng)* mỗi người đã nộp 2.000.000 đồng (Tổng cộng 24.000.000 đồng) đề nghị HĐXX tuyên trả lại cho các bị cáo nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Toà án buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo đối với các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Dương Anh V, Ngô Đức T9: Bà Hoàng Thị Kim H11 trình bày quan điểm bào chữa: Nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang về điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo Dương Anh V và Ngô Đức T9. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 318; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 118; khoản 2, Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Xử phạt các bị cáo Dương Anh V, Ngô Đức T9 cải tạo không giam giữ.

Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo Dương Anh V, Ngô Đức T9 đều nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát và quan điểm bào chữa của người bào chữa, ngoài ra không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Đại diện Trường Trung học phổ thông K11 trình bày: Bị cáo Ngô Đức T9 tuổi đời còn trẻ, vẫn đang theo học tại nhà trường nên đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt và tạo điều kiện cho học sinh T9 có cơ hội học tập trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phan Anh D3 trình bày: Giữa các bị cáo nhóm thôn N và ông, bà Trần Thị Quỳnh A đã tự thỏa thuận và thống nhất được với nhau về việc bồi thường dân sự do sức khỏe bị xâm phạm. Theo đó, nhóm 19 bị cáo thôn N cùng liên đới bồi thường cho ông số tiền 80.000.000 đồng, bồi thường cho bà Trần Thị Quỳnh A số tiền 80.000.000 đồng (do ông là người nhận thay). Tổng số tiền bồi thường ông đã nhận là 160.000.000 đồng. Đến nay ông và bà Quỳnh A không có yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự và đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo. Đồng thời, ông cam đoan không có khiếu nại, kiến nghị gì về việc các bị cáo đã gây thương tích cho ông.

Tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai nhận về hành vi vi phạm pháp luật của mình. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, nhất trí đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng của từng bị cáo đều thể hiện: Bản thân đã nhận thức được hành vi sai trái của mình là vi phạm pháp luật, nên xin HĐXX xem xét xử phạt mức án nhẹ nhất để các bị cáo có được cơ hội cải tạo, tu dưỡng bản thân thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật hình sự. Ngoài ra, hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng báo cáo của UBND xã T (nay là UBND xã P), biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ 35 phút ngày 16/3/2025, tại sân bóng đá thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã P, tỉnh Tuyên Quang). Ban Tổ chức Đại hội thể dục thể thao xã T tổ chức trận chung kết môn bóng đá nam giữa đội thôn A và đội thôn N. Khi trận đấu đang diễn ra khoảng 20 phút, có 02 cầu thủ bị trọng tài rút thẻ vàng cảnh cáo, thì Phạm Văn T và Lê Văn T1 đã tự ý chạy vào sân cãi nhau, xô xát với cầu thủ Vũ Văn H15 (Đội thôn N) và trọng tài chính điều khiển trận đấu. Dẫn đến một số cổ động viên của hai đội chạy vào trong sân, xô xát đánh nhau làm trận đấu phải dừng lại. Nhóm cổ động viên của thôn N đã đuổi đánh nhóm cổ động viên thôn A, cụ thể:

- Vũ Đình K4 dùng tay phải đấm 01 nhát vào vùng ngực Mai Văn H13 nhưng không gây thương tích. Vũ Văn H2 cầm mũ cối vụt 01 nhát trúng vai một người nam thanh niên (Không xác định được tên tuổi, địa chỉ).

- Nguyễn Văn A1 bị một số người dùng tay đấm (Không xác định được người đánh) chấn động não điều trị ổn định, tổn thương cơ thể 01% (Một phần trăm).

- Nguyễn Văn Đ5, Nguyễn Tuấn A2 bị một số người dùng tay chân đấm (Không xác định được người đánh) không bị thương tích.

- Nguyễn Tuấn H14 bị nhóm cổ động viên thôn N đuổi đánh, cụ thể: Ngô Đình Á dùng tay đấm 01 nhát nhưng không trúng; Nguyễn Văn T2 dùng chân phải đá 01 nhát trúng vào phần cổ chân phải; Nguyễn Văn N2 dùng chân phải đạp 01 nhát vào mạn sườn, hông bên trái; Phạm Văn H dùng chân phải đá một nhát trúng vào mặt sau chân trái làm H14 bị ngã xuống sân bóng; Trần Văn Q2 dùng chân đạp 01 nhát không trúng, không bị thương tích.

- Nguyễn Viết K5 bị nhóm cổ động viên thôn N (Không xác định được người đánh) dùng tay đấm vào người, mặt, cầm mũ cối đập vào mũ bảo hiểm trên đầu, chấn động não điều trị ổn định, tổn thương cơ thể 01% (Một phần trăm).

- Phan Anh D3 bị nhóm cổ động viên thôn N dùng tay, chân đấm, đá và mũ cối đánh, cụ thể: Trần Văn K dùng tay đấm nhiều nhát; Trần Văn K1 dùng tay trái đấm 02 nhát vào vùng đầu, mặt; Trần Quốc H3 cầm mũ cối vụt 01 nhát trúng vào vai, 01 nhát không trúng; Dương Anh V dùng tay trái đánh 02 nhát trúng vào đầu; Phạm Ngọc T5 dùng tay đấm nhưng không xác định trúng vào vị trí nào; Phạm Quang K2 dùng tay đấm nhưng không xác định trúng vào vị trí nào; Nguyễn Văn C5 dùng chân đá vào người; Phạm Văn T7 cầm mũ cối vụt 01 nhát trúng vào vùng đầu; Ngô Đức T9 nhặt 01 chiếc mũ cối màu xanh đập một nhát trúng vào vai; Phạm Khánh H8 dùng tay phải đấm 02-03 nhát; Trương Thanh M1 cầm 01 chiếc ghế inox màu trắng tại khu vực Ban Tổ chức chạy đến chụp vào đầu D3 nhưng trượt; Dương Tiến M2 dùng tay phải đấm 01 nhát trúng vào vùng đầu. Chấn động não điều trị ổn định, tổn thương cơ thể 01% (Một phần trăm).

- Trần Thị Quỳnh A bị một số người dùng tay đánh vào người (Không xác định được người đánh) Chấn động não điều trị ổn định, tổn thương cơ thể 01% (Một phần trăm).

Sau sự việc xảy ra, dẫn đến Ban Tổ chức Đại hội thể dục thể thao xã T phải quyết định dừng toàn bộ trận đấu và các hoạt động liên quan đến môn bóng đá nam, gây đình trệ hoạt động Đại hội thể dục thể thao xã T.

Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Gây rối trật tự công cộng theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Như vậy quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang đối với các bị cáo trong vụ án này là có căn cứ pháp luật, đã đảm bảo đúng người, đúng tội.

[2] Về việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Trong hồ sơ vụ án thể hiện, một số những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đều đã có đầy đủ lời khai với nội dung rõ ràng, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến xét xử vụ án. Vì vậy, HĐXX có đủ căn cứ tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, nhân thân của người phạm tội, HĐXX nhận thấy:

Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm:

- Các bị cáo đều bị truy tố về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo khoản 2, Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức cao nhất của khung hình phạt đến 07 năm tù, căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 9 của Bộ luật này thì tội phạm do các bị cáo gây ra thuộc trường hợp nghiêm trọng.

Về nhân thân bị cáo, thấy rằng:

Bị cáo Phạm Văn T có nhân thân: Bản án số 19/2010/HSST ngày 06/4/2010 của Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Bản án hình sự phúc thẩm số 34/2010/HSPT ngày 15/6/2010 của Toà án nhân dân tỉnh

Tuyên Quang tuyên xử 03 tháng tù (Ghi nhận đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm). Ngày 23/9/2010, chấp hành xong toàn bộ Bản án.

Bị cáo Vũ Văn H2 có nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 08/11/2004 của Công an huyện S, xử phạt 200.000 đồng về hành vi đánh nhau. Ngày 08/11/2004, đã chấp hành xong.

Bị cáo Trần Quốc H3 có nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5245/QĐ-XPVPHC ngày 12/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện S, xử phạt 8.750.000 đồng. Trong đó: 1.250.000 đồng về hành vi xâm hại sức khoẻ người khác, 7.500.000 đồng về hành vi sản xuất vũ khí thô sơ (Súng hơi cồn tự chế). Ngày 29/9/2020, đã chấp hành xong.

Bị cáo Phạm Quang K2 có nhân thân: Bản án số 84/HSST ngày 23/12/2004 của Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm về tội Cố ý gây thương tích. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Tuyên Quang: Không có hồ sơ về việc Phạm Quang K2 phải thi hành án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng.

Các bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt, trước khi phạm tội chưa từng có tiền án, tiền sự gồm các bị cáo có tên sau: Lê Văn T1, Ngô Đình Á, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn N2, Phạm Văn H, Trần Văn K, Trần Văn K1, Dương Anh V, Phạm Ngọc T5, Nguyễn Văn C5, Phạm Văn T7, Ngô Đức T9, Phạm Khánh H8, Trương Thanh M1, Dương Tiến M2, Vũ Đình K4, Trần Văn Q2.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Qua diễn biến tại phiên tòa thể hiện các bị cáo đều trung thực trong khai báo bởi đã thể hiện sự thành khẩn và tỏ rõ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, các bị cáo đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Các bị cáo Trần Văn K, Phạm Ngọc T5, Nguyễn Văn C5, Trần Quốc H3, Trần Văn Q2, Phạm Quang K2, Phạm Văn H, Nguyễn Văn N2, Ngô Đình Á, Phạm Khánh H8, Trần Văn K1, Vũ Văn H2, Nguyễn Văn T2, Trương Thanh M1, Vũ Đình K4, Dương Anh V, Dương Tiến M2, Phạm Văn T7, Ngô Đức T9 được áp dụng các tình tiết người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn A1, Nguyễn Viết K5, Phan Anh D3 có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Tại phiên tòa đại diện Trường THPT K11 nơi bị cáo Ngô Đức T9 đang theo học xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T9. Nên Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Trong vụ án này, đối với các bị cáo mà gia đình có công với cách mạng, có nhiều bằng khen, giấy khen được HĐXX xem xét cho hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự. Cụ thể: Phạm Văn T

có mẹ đẻ là bà Trần Thị N được thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất đã có thời gian tham gia hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc; Lê Văn T1 là người trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc, có bố đẻ là ông Lê Văn C được thưởng Huy chương chiến thắng hạng nhất đã có thành tích trong thời kỳ kháng chiến; Dương Anh V (có ông nội) và Phạm Văn H có ông ngoại là Dương Văn L6 được thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì đã có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Phạm Quang K2 có bố đẻ là ông Phạm Quang K3 được thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, là Bệnh binh hạng hai; Dương Tiến M2 có ông nội là Dương Thanh B2 được thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhì, là Bệnh binh hạng hai; Nguyễn Văn C5 có bố vợ là Nguyễn Văn Đ6 được Bộ chứng nhận tham gia dân công hoả tuyến, được Ban liên lạc cựu chiến binh mặt trận V - H – Quân khu tặng Kỷ niệm chương đã tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ biên giới V - H; Trương Thanh M1 có bố đẻ là ông Trương Văn S được Bộ chứng nhận tham gia dân công hoả tuyến, có ông ngoại là Trần Văn B3 được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; Trần Văn K là người trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, có bố đẻ là Trần Công C2 được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; Trần Quốc H3 có ông nội là Trần Kim T14 được Ban L7 tặng Kỷ niệm chương Chiến sĩ T, được Ban liên lạc Q3 tình nguyện và C9 giúp Lào tặng Kỷ niệm chương Q3 tình nguyện Việt Nam giúp Lào; Phạm Ngọc T5 có ông nội là Phạm Văn P1 được Bộ chứng nhận tham gia dân công hoả tuyến; Phạm Khánh H8 có ông nội là Phạm Văn K9 được Bộ chứng nhận tham gia dân công hoả tuyến, bị cáo được tặng giấy khen đạt danh hiệu Học sinh tiên tiến năm học 2020-2021.; Ngô Đình Á và Nguyễn Văn N2 có ông ngoại là Nguyễn Đức K10 được thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba. Vũ Văn H2 có ông ngoại là Nguyễn Tiến T15 được thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba.

- Tại thời điểm phạm tội, có 03 bị cáo gồm: Dương Anh V, Ngô Đức T9, Phạm Khánh H8 là người dưới 18 tuổi nên được áp dụng các quy định về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại chương XII của Bộ luật hình sự; các quy định tại Điều 12 chương I và chương VI Luật tư pháp người chưa thành niên để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. HĐXX thấy rằng:

Về vai trò: Các bị cáo có vai trò đồng phạm giản đơn, chỉ vì sự ích kỷ nhỏ nhen, hơn thua trong việc cổ vũ trận đấu bóng đá nam dẫn đến mâu thuẫn, tranh cãi, xô xát đánh nhau. Trong vụ án này, xác định nguyên nhân xảy ra vụ việc trên là do mâu thuẫn giữa 02 nhóm cổ động viên thôn N và thôn A trong quá trình cổ vũ bóng đá dẫn đến xô xát, đánh nhau. Tuy nhiên, các bị cáo không bàn bạc, phân công cụ thể mà mỗi bị cáo thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng một cách độc lập, không có sự câu kết hay giúp sức chung với người khác. Các bị cáo chỉ

thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng trong chốc lát, không phải là chuỗi hành vi phạm tội liên tiếp, kéo dài nên tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội không lớn. Các bị cáo Dương Anh V, Ngô Đức T9, Phạm Khánh H8 thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên khả năng nhận thức về hành vi còn chưa đầy đủ, có phần hạn chế, nên cần áp dụng hình phạt phù hợp, đủ tính răn đe nhưng có tính giáo dục để các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, có ý thức tôn trọng, tuân theo pháp luật và các chuẩn mực đạo đức, lối sống, ngăn ngừa phạm tội mới và phòng ngừa tội phạm chung. Do các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà cho các bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, tù cho hưởng án treo cũng đủ tính răn đe giáo dục mà vẫn tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời, tu dưỡng bản thân trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với các bị cáo Dương Anh V, Ngô Đức T9 bị áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ. Do thời điểm phạm tội các bị cáo là người chưa thành niên nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[6] Về hình phạt bổ sung: Điều 318 Bộ luật hình sự không quy định về hình phạt bổ sung nên HĐXX không xem xét.

[7] Về việc xem xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, HĐXX nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp. Vì vậy, các chứng cứ có trong hồ sơ đều được thu thập theo trình tự tố tụng và hợp pháp.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Ngày 05/8/2025, các bị cáo thôn N gồm: Trần Văn K, Phạm Ngọc T5, Nguyễn Văn C5, Trần Quốc H3, Trần Văn Q2, Phạm Quang K2, Phạm Văn H, Nguyễn Văn N2, Ngô Đình Á, Phạm Khánh H8, Trần Văn K1, Vũ Văn H2, Nguyễn Văn T2, Trương Thanh M1, Vũ Đình K4, Dương Anh V, Dương Tiến M2, Phạm Văn T7 đã cùng nhau thoả thuận, bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn A1 số tiền 40.000.000 đồng; bồi thường cho ông Nguyên Viết K8 số tiền 50.000.000 đồng. Ông A1 và ông K8 không có yêu cầu gì thêm về phần bồi thường dân sự nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phan Anh D3, bà Trần Thị Quỳnh A (do ông D3 nhận ủy quyền) yêu cầu các bị cáo nhóm Nho Quan (19 bị cáo) có trách nhiệm liên đới bồi thường dân sự cho ông Phan Anh D3 số tiền 80.000.000 đồng, bồi thường cho bà Trần Thị Quỳnh A số tiền 80.000.000 đồng (do ông D3 là người nhận thay). Tổng số tiền bồi thường là 160.000.000 đồng. Các bị cáo nhóm Nho Quan gồm Trần Văn K, Phạm Ngọc T5, Nguyễn Văn C5, Trần Quốc H3, Trần Văn Q2, Phạm Quang K2, Phạm Văn H, Nguyễn Văn N2, Ngô Đình Á, Phạm Khánh H8, Trần Văn K1, Vũ Văn H2, Nguyễn Văn T2, Trương Thanh M1, Vũ Đình K4, Dương Anh V, Dương Tiến M2, Phạm Văn T7, Ngô Đức T9 cùng nhận trách nhiệm liên đới bồi thường dân sự cho ông Phan Anh D3 và bà Trần Thị Quỳnh A tổng số tiền 160.000.000 đồng, đã bồi thường xong (có giấy biên nhận tiền ngày 29/12/2025). HĐXX xét thấy, giữa các bị cáo (19 bị cáo) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phan Anh D3, bà Trần Thị Quỳnh A đã thỏa thuận bồi thường được với nhau với tổng số tiền là 160.000.000 đồng. Xét việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên HĐXX ghi nhận việc bồi thường trên.

Đối với số tiền tạm ứng bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phan Anh D3 và bà Trần Thị Quỳnh A do các bị cáo Trần Văn K, Trần Quốc H3, Phạm Ngọc T5, Ngô Đức T9, Dương Tiến M2, Phạm Văn T7, Phạm Quang K2, Dương Anh V, Phạm Khánh H8, Phạm Văn H, Nguyễn Văn N2, Ngô Đình Á nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Tuyên Quang *(Không phải bồi thường về tội Gây rối trật tự công cộng)* mỗi người đã nộp 2.000.000 đồng (tổng cộng 24.000.000 đồng). Xét thấy, giữa các bị cáo trên và ông Phan Anh D3, bà Trần Thị Quỳnh A đã thỏa thuận được với nhau về phần bồi thường dân sự, nên HĐXX cần tuyên trả lại cho các bị cáo nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[9] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Đối với các vật chứng hiện nay bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T thu giữ gồm: 01 mũ cối bị vỡ phần chóp mũ, 01 ghế inox (đã qua sử dụng, được niêm phong theo quy định). HĐXX xét thấy, các vật chứng đều không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với thương tích của Phan Anh D3, Trần Thị Quỳnh A, Nguyễn Viết K5, Nguyễn Văn A1. Quá trình điều tra xác định có nhiều bị cáo tham gia đánh D3, K5, A1, Quỳnh A, nhưng mỗi bị cáo chỉ thực hiện việc đấm, đá 01 lần đến 03 lần, các vết bầm tím ngoài da đã khỏi, không để lại thương tích, chấn động não đã điều trị ổn định, tổn thương cơ thể 01% (Một phần trăm). Nguyên nhân xảy ra vụ việc trên là do mâu thuẫn giữa 02 nhóm cổ động viên thôn N và thôn A trong quá trình cổ vũ bóng đá dẫn đến xô xát, đánh nhau không có tính chất côn đồ, không sử dụng hung khí nguy hiểm để gây thương tích, nên không cấu thành tội Cố ý gây thương tích quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự. Cơ quan điều tra đã có văn bản chuyển tài liệu đến người có thẩm quyền để xử lý hành chính nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với Đỗ Văn H16 không thừa nhận hành vi đánh Nguyễn Tuấn H14. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra và nội dung Kết luận giám định số 391/KL-KTHS ngày 10/4/2025 của Phòng K12 Công an tỉnh T không đủ căn cứ xác định H16 có hành vi đánh H14 nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với người phụ nữ mặt áo trùm kín người (áo chống nắng) màu đen có hoa văn, đội nón lá, đeo khẩu trang cầm 01 chiếc ghế inox chụp lên đầu D3 nhưng không gây thương tích. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra nhưng không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh:

Căn cứ điểm c, khoản 2, Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T, Lê Văn T1, Ngô Đình Á, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn N2, Phạm Văn H, Vũ Văn H2, Trần Văn K, Trần Văn K1, Trần Quốc H3, Dương Anh V, Phạm Ngọc T5, Phạm Quang K2, Nguyễn Văn C5, Phạm Văn T7, Ngô Đức T9, Phạm Khánh H8, Trương Thanh M1, Dương Tiến M2, Vũ Đình K4, Trần Văn Q2 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

II. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

- Căn cứ điểm c, khoản 2, Điều 318; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 65; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt bị cáo **Phạm Quang K2 02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **05 (năm)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2025).

2. Xử phạt bị cáo **Trần Quốc H3 02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **05 (năm)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2025).

3. Xử phạt bị cáo **Vũ Văn H2 02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **05 (năm)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2025).

4. Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T 02 (hai)** năm **03 (ba)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **04 (bốn)** năm **06 (sáu)** tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2025).

5. Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T7 02 (hai)** năm **03 (ba)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **04 (bốn)** năm **06 (sáu)** tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2025).

6. Xử phạt bị cáo **Lê Văn T1 02 (hai)** năm tù cho hưởng án treo, thử thách **04 (bốn)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2025).

7. Xử phạt bị cáo **Trương Thanh M1 02 (hai)** năm tù cho hưởng án treo, thử thách **04 (bốn)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2025).

8. Xử phạt bị cáo **Dương Tiến M2 02 (hai)** năm tù cho hưởng án treo, thử thách **04 (bốn)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2025).

9. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T2 02 (hai)** năm tù cho hưởng án treo, thử thách **04 (bốn)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2025).

10. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn N2 02 (hai)** năm tù cho hưởng án treo, thử thách **04 (bốn)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2025).

11. Xử phạt bị cáo **Phạm Văn H 02 (hai)** năm tù cho hưởng án treo, thử thách **04 (bốn)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2025).

12. Xử phạt bị cáo **Trần Văn K 02 (hai)** năm tù cho hưởng án treo, thử thách **04 (bốn)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2025).

13. Xử phạt bị cáo **Trần Văn K1 02 (hai)** năm tù cho hưởng án treo, thử thách **04 (bốn)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2025).

14. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C5 02 (hai)** năm tù cho hưởng án treo, thử thách **04 (bốn)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2025).

15. Xử phạt bị cáo **Trần Văn Q2 02 (hai)** năm tù cho hưởng án treo, thử thách **04 (bốn)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2025).

16. Xử phạt bị cáo **Vũ Đình K4 02 (hai)** năm tù cho hưởng án treo, thử thách **04 (bốn)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2025).

17. Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc T5 02 (hai)** năm tù cho hưởng án treo, thử thách **04 (bốn)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2025).

18. Xử phạt bị cáo **Ngô Đình Á 02 (hai)** năm tù cho hưởng án treo, thử thách **04 (bốn)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2025).

- Căn cứ điểm c, khoản 2, Điều 318; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 65; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 12, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024.

19. Xử phạt bị cáo **Phạm Khánh H8 01 (một)** năm **01 (một)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **02 (hai)** năm **02 (hai)** tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2025).

Giao các bị cáo cho hưởng án treo về Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tuyên Quang nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm c, khoản 2, Điều 318; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 36; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 100 Bộ luật Hình sự; Điều 12, Điều 118 Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024.

20. Xử phạt bị cáo **Dương Anh V 01 (một)** năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tuyên Quang được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

21. Xử phạt bị cáo **Ngô Đức T9 01 (một)** năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tuyên Quang được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Dương Anh V, Ngô Đức T9 cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

III. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu, tiêu hủy 01 mũ cối bị vỡ phần chóp mũ, 01 ghế inox (đã qua sử dụng, được niêm phong theo quy định).

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 31/10/2025).

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn K số tiền tạm thu 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* theo biên lai thu tiền số: 0000515, ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Trần Quốc H3 số tiền tạm thu 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* theo biên lai thu tiền số: 0000517, ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc T5 số tiền tạm thu 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* theo biên lai thu tiền số: 0000518, ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Ngô Đức T9 số tiền tạm thu 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* theo biên lai thu tiền số: 0000516, ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Dương Tiến M2 số tiền tạm thu 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* theo biên lai thu tiền số: 0000512, ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T7 số tiền tạm thu 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* theo biên lai thu tiền số: 0000511, ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Quang K2 số tiền tạm thu 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* theo biên lai thu tiền số: 0000507, ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Dương Anh V số tiền tạm thu 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* theo biên lai thu tiền số: 0000509, ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Khánh H8 số tiền tạm thu 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* theo biên lai thu tiền số: 0000508, ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn H số tiền tạm thu 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* theo biên lai thu tiền số: 0000513, ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn N2 số tiền tạm thu 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* theo biên lai thu tiền số: 0000510, ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Ngô Đình Á số tiền tạm thu 2.000.000đ *(hai triệu đồng)* theo biên lai thu tiền số: 0000522, ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

IV. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

- Các bị cáo Phạm Văn T, Lê Văn T1, Ngô Đình Á, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn N2, Phạm Văn H, Vũ Văn H2, Trần Văn K, Trần Văn K1, Trần Quốc H3, Dương Anh V, Phạm Ngọc T5, Phạm Quang K2, Nguyễn Văn C5, Phạm Văn T7, Ngô Đức T9, Phạm Khánh H8, Trương Thanh M1, Dương Tiến M2, Vũ Đình K4, Trần Văn Q2. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- T.H.A DS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Phú Lương;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Tuấn Linh